

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-PT  
Ngày 22-11-2024  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu và ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 346/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Thanh V, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện A, tỉnh An Giang; trụ sở: Số A, Thới Ngọc H1, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Kiều Công M, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh tỉnh An Giang, Phòng giao dịch huyện A; trụ sở: Số I N, trung tâm thương mại A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo văn bản ủy quyền số 1707/2024/GUQ-PGDAPAG ngày 17/7/2024: Ông Lê Văn L, chức vụ: Phó Phòng G, chi nhánh An Giang (vắng mặt).*

3. Chị Lý Thu T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý Thanh V (sau đây gọi tắt là ông V) trình bày:*

Ông V và bà Trần Thị H (sau đây gọi tắt là bà H) kết hôn và đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh An Giang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc; tuy nhiên, đến khoảng năm 2022, phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường tranh cãi, cuộc sống chung không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn; vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Nguyên nhân là do ông V làm việc xa nhà, bà H không tin tưởng ông V về tình cảm vợ chồng nên bà H dùng lời lẽ ảnh hưởng danh dự và uy tín của ông V. Nay ông V yêu cầu ly hôn với bà H.

Ông V và bà H có 02 người con chung đã thành niên là chị Lý Thúy V1, sinh năm 1997 và chị Lý Thu T, sinh năm 1999. Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

*Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H trình bày:*

Bà H thống nhất như ý kiến trình bày của ông V về hôn nhân, về con chung đã thành niên.

Bà H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng; trong cuộc sống vợ chồng, bà H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người vợ về chăm lo gia đình và chăm sóc các con học hành tốt; bà H không gây ảnh hưởng danh dự và uy tín của ông V.

Khi bà H biết ông V nộp đơn yêu cầu ly hôn, bà H có chủ động liên lạc với ông V để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông V không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà H còn yêu thương ông V nên bà H không đồng ý ly hôn với ông V.

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng N – Chi nhánh huyện A (sau đây viết tắt là A1) trình bày: Ngân hàng không có yêu cầu độc lập và yêu cầu không tham gia hòa giải và xét xử.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh tỉnh An Giang, Phòng giao dịch huyện A (sau đây viết tắt là S1) trình bày:

Ngày 28/3/2022, ông V và bà H vay 2.000.000.000đ của S1, mức lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 03 năm theo Hợp đồng tín dụng số: 202226579688 ngày 28/3/2022. Tài sản thế chấp là diện tích 300m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 284, tờ bản đồ số 50 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất) số CS06332 ngày 02/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông V và bà H; diện tích 406m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 207 và 283, tờ bản đồ số 50 theo GCN QSD đất số CS06355 ngày 02/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông V và bà H.

Ngày 14/4/2022, bà H có vay 44.200.000đ của S1 theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 8689936/04/2022; bà H đã thanh toán được 31.620.000đ; còn nợ vốn là 37.736.606đ và lãi là 838.320đ.

S1 khởi kiện yêu cầu ông V và bà H cùng có nghĩa vụ thanh toán cho S1 số tiền 2.051.198.971đ (trong đó: Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202226579688 ngày 28/3/2022 vốn gốc là 2.000.000.000đ và lãi là 13.150.685đ (tạm tính đến ngày 25/7/2024); nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng là 38.048.286đ); yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 theo hợp đồng tín dụng; trường hợp ông V và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Chị Lý Thu T (sau đây gọi tắt là chị T) trình bày: Chị T là con của ông V và bà H. Số tiền vay 3.500.000.000đ của A1 do chị T vay giúp cho ông V và bà H; số tiền vay được sử dụng chung trong gia đình, chị T không sử dụng riêng. Nay chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 346/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú quyết định:

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của S1.
- Chấp nhận khởi kiện của ông V về yêu cầu ly hôn với bà H.
- Ông V được ly hôn với bà H.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/9/2024, bà H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vắng mặt.
- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 346/2024/HNGĐ-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức:

[1.1] Bà H kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bà H theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập họp lệ các đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, ông V, bà H, bà T có gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đại diện của A1 và S1 vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông V và bà H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 1997 là đúng theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp; do đó, ông V và bà H phải có nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình (cụ thể: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...*”).

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn ly hôn theo yêu cầu của ông V, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông V và bà H hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng ông V không đồng ý tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà H. Như vậy, hôn nhân của ông V và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ông V và bà H đã sinh sống riêng và không có nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của ông V về yêu cầu ly hôn với bà H là có cơ sở và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H; cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 346/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về yêu cầu bà Trần Thị H và ông Lý Thanh V trả vốn gốc 2.000.000.000đ và lãi phát sinh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh V.

- Ông Lý Thanh V được ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải chịu chi phí tố tụng là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), đã nộp đủ.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Ông Lý Thanh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0009493 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0009976 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0010011 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THADS huyện An Phú;
- Đương sự;
- UBND phường Long Thạnh,  
thị xã Tân Châu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng KTNV&THA,  
Tòa GD&NCTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Ngô Ngọc Phi**